

NHẬN THỨC CỦA SINH VIÊN ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH VỀ HỌC TẬP THEO PHƯƠNG THỨC HỖN HỢP

Lê Thị Phương^{1,+},
Hoàng Thị Dung²

¹Nghiên cứu sinh, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh;

²Học viên cao học Quản lý Giáo dục khóa 19.2, Trường Đại học Sài Gòn
+Tác giả liên hệ • Email: ltphuong0809@gmail.com

Article History

Received: 01/9/2021

Accepted: 11/10/2021

Published: 05/11/2021

Keywords

Perceptions, students, VNU-Ho Chi Minh, Blended learning

ABSTRACT

The paper aims to identify the Vietnam National University - Ho Chi Minh City (VNU-HCM) students' perception towards Blended learning. In this study, the author used quantitative research with sample random of 653 third-year students coming from 6 university members of VNU-HCM. The findings show students have a positive awareness of Blended learning which has been applied in their schools. In addition, the results of the study also concluded that Blended learning creates flexibility, self-study and saving time as well as operating fees in school. The findings from this research are going to help managers to make an appropriate training policy that adapts to students' needs and society in the future.

1. Mở đầu

Với sự ra đời và phát triển thần tốc của Khoa học kỹ thuật và Công nghệ thông tin, các trường đại học bắt đầu xây dựng các hệ thống quản lý học tập (LMS) để theo dõi sự tiến bộ của sinh viên (SV) và giao tiếp với họ một cách hiệu quả bằng nhiều phương thức khác nhau. Phong trào học tập trực tuyến (E-learning) đã được ra đời khá sớm từ đầu thế kỉ XVIII (Kentnor, 2015), nhưng chưa được đánh giá phổ biến trong giáo dục đại học chính quy mà chủ yếu là hình thức giáo dục từ xa. Trong vài thập niên gần đây, nhiều cơ sở giáo dục đại học đưa vào giảng dạy các khóa học trực tuyến bên cạnh các lớp học truyền thống. Nhờ vậy, phương thức học tập trực tuyến cũng được “nở rộ” hơn trong giáo dục, bao gồm cả giáo dục phổ thông và giáo dục đại học. Nằm trong “làn sóng” đó, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh với vai trò tiên phong trong các hoạt động đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục đã nghiên cứu và triển khai áp dụng các phương thức đào tạo tiên tiến trên thế giới. Trong khuôn khổ xây dựng chính sách phát triển giáo dục trực tuyến hiệu quả, nhất là trong giai đoạn 2020-2025 nhằm đưa ra định hướng phát triển dạy học trực tuyến theo mô hình giáo dục 4.0 tại Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, học tập theo phương thức hỗn hợp - gọi tắt là học tập hỗn hợp (HTHH - Blended learning) được lựa chọn triển khai trong điều kiện không đủ khả năng thực hiện hoàn toàn các hoạt động học tập qua mạng Internet hoặc mong muốn kết hợp các hình thức học tập khác để giúp mở rộng tối đa năng lực của người học (Kahiigi et al., 2008).

Trong những năm gần đây, phương thức học tập này phát triển rất nhanh chóng và được sự đánh giá cao ở cả người học và người dạy khi so với việc chỉ học trực tuyến hoặc học truyền thống (Castaño et al., 2016) bởi vì nó kế thừa lợi ích và hạn chế khiếm khuyết của cả hai phương thức trên.

Bài báo khái quát một số nghiên cứu và đưa ra khái niệm học tập theo phương thức hỗn hợp, từ đó trình bày kết quả nghiên cứu nhận thức của sinh viên Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh về lợi ích kinh tế và hiệu quả sự phạm trong dạy học theo phương thức hỗn hợp.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Tổng quan vấn đề nghiên cứu

Bendania (2011) khẳng định rằng, có sự tương quan thuận giữa thái độ tích cực và các yếu tố liên quan đến thái độ; chủ yếu là kinh nghiệm, sự tự tin, sự thích thú, tính hữu ích, ý định sử dụng, động lực và kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin trong việc người sử dụng quyết định chọn HTHH. Tương tự, Aliweh (2011) cũng cho thấy, SV có nhận thức rất tích cực về phương thức này, họ cho rằng dạy học theo phương thức hỗn hợp có nhiều lợi ích như tính hữu ích, sự thích thú, khả năng tiếp cận, sự thuận tiện và sự phong phú của các nguồn lực. Ngoài ra, nghiên cứu của Adas và Wafa (2011) đã chấp thuận rằng SV có thái độ tích cực đối với HTHH về mặt quy trình, tính dễ sử dụng và

nội dung. Hơn nữa, càng nhiều SV tham gia vào các diễn đàn thảo luận trực tuyến, họ càng đạt được nhiều thành tựu và họ phát triển những quan điểm tích cực hơn đối với HTHH (Akkoyunlu & Soylu, 2006).

Edwards và Fritz (1997) thực hiện nghiên cứu nhằm xác định quan điểm của SV về ba phương pháp giảng dạy dựa vào công nghệ. Kết quả của nghiên cứu chỉ ra rằng học tập trực tuyến là rất vui và thú vị vì người học có thể học các khái niệm giáo dục và áp dụng chúng tốt, cũng như SV cho rằng kết quả của học liệu điện tử (học tập kết hợp) tốt hơn so với các học liệu truyền thống. Tương tự, Badawi (2009), Sauers và Walker (2004) đã nghiên cứu rằng mô hình học tập kết hợp và cho biết rằng, hiệu quả của mô hình này cao hơn so với mô hình truyền thống trong việc phát triển kiến thức sư phạm của giáo viên tương lai. Đồng thời, kết quả nghiên cứu cũng chỉ ra rằng, HTHH mang lại nhiều lợi ích trong quá trình dạy học hơn so với phương thức truyền thống. Ngoài ra, Behjat và cộng sự (2012) thông qua nghiên cứu của mình đã khẳng định rằng, HTHH có thể giúp người học vượt trội trong khả năng học tập của họ.

Alshwiah (2009) đã điều tra tác động của một chiến lược học tập kết hợp được đề xuất và phân tích thái độ của SV. Mẫu được chia thành hai nhóm: nhóm đối chứng và nhóm thực nghiệm. Kết quả cho thấy, không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng về thành tích hoặc thái độ đối với việc học ngôn ngữ tiếng Anh. Nhưng, lại cho thấy các thành viên nhóm thử nghiệm đã thể hiện mức độ hài lòng cao đối với HTHH khi so sánh với học tập truyền thống.

Artino (2010) đã kiểm tra mối quan hệ giữa các yếu tố cá nhân và sự lựa chọn hình thức giảng dạy của SV. Kết quả cho thấy những SV thích đăng kí các khóa học trực tuyến hoặc HTHH cho biết họ tự tin hơn và hài lòng hơn với trải nghiệm học trực tuyến so với những SV khác. Hơn nữa, trong nghiên cứu của Alebaikan và Troudi (2010) nhận thấy rằng, việc cho SV tham gia vào các cuộc thảo luận trực tuyến có thể ảnh hưởng tích cực đến việc học của họ bởi vì khi trả lời các câu hỏi của bạn bè, chia sẻ ý tưởng mới và nhận phản hồi thường xuyên từ người hướng dẫn, sự tự tin và kết quả học tập của người học sẽ được cải thiện.

Ở Việt Nam, việc triển khai HTHH khởi nguồn từ việc Chính phủ đã xác định học tập điện tử là yếu tố then chốt để thúc đẩy tăng trưởng giáo dục. Tuy nhiên, đây không phải là yếu tố duy nhất quyết định sự thành công của học tập trực tuyến nói chung và HTHH nói riêng. Điều then chốt là phải có sự chấp thuận từ những người áp dụng chính thức, bao gồm cả SV; như là một trong những cơ sở quan trọng của việc triển khai học tập theo phương thức hỗn hợp (Porter et al., 2014). Hiện nay, các nghiên cứu trong nước về sự chấp nhận phương thức này còn nhiều hạn chế. Do đó, cần có nhiều nghiên cứu sâu hơn về nhận thức của SV trong HTHH được thực hiện trong bối cảnh Việt Nam. Để lấp đầy khoảng trống được đề cập ở trên, nghiên cứu hiện tại nhằm trả lời cho câu hỏi sau: Nhận thức của SV Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh về lợi ích khi áp dụng HTHH hiện nay như thế nào?

2.2. Học tập theo phương thức hỗn hợp

Procter (2003) đã định nghĩa, HTHH là sự kết hợp hiệu quả của các phương thức phân phối khác nhau, các mô hình giảng dạy và phong cách học tập. Nó bao gồm sự kết hợp của hai lĩnh vực quan tâm là giáo dục và công nghệ giáo dục (Chew et al., 2008).

Theo Krasnova (2015), HTHH có thể được coi là một phương pháp giảng dạy kết hợp các kỹ thuật giảng dạy trực diện hiệu quả nhất và hợp tác tương tác trực tuyến, cả hai điều chỉnh một hệ thống hoạt động liên tục và tạo thành một hệ thống duy nhất toàn bộ.

Theo Stacey và Gerbic (2008), ở mức tối thiểu, HTHH liên quan đến một số kết hợp giữa môi trường ảo và vật lí. Đối với Launer (2010), đó là sự kết hợp giữa cài đặt tự nghiên cứu từ xa hoặc tự học được hỗ trợ bởi công nghệ và cài đặt trực tiếp. Ngược lại, theo Graham (2006), Mason và Rennie (2006), HTHH là sự kết hợp khác của công nghệ, địa điểm hoặc phương pháp tiếp cận sư phạm. Theo Dziuban và cộng sự (2006), học tập kết hợp nên được coi là một cách tiếp cận sư phạm kết hợp tính hiệu quả và cơ hội xã hội hóa của lớp học với các khả năng học tập tích cực được nâng cao về mặt công nghệ của môi trường trực tuyến.

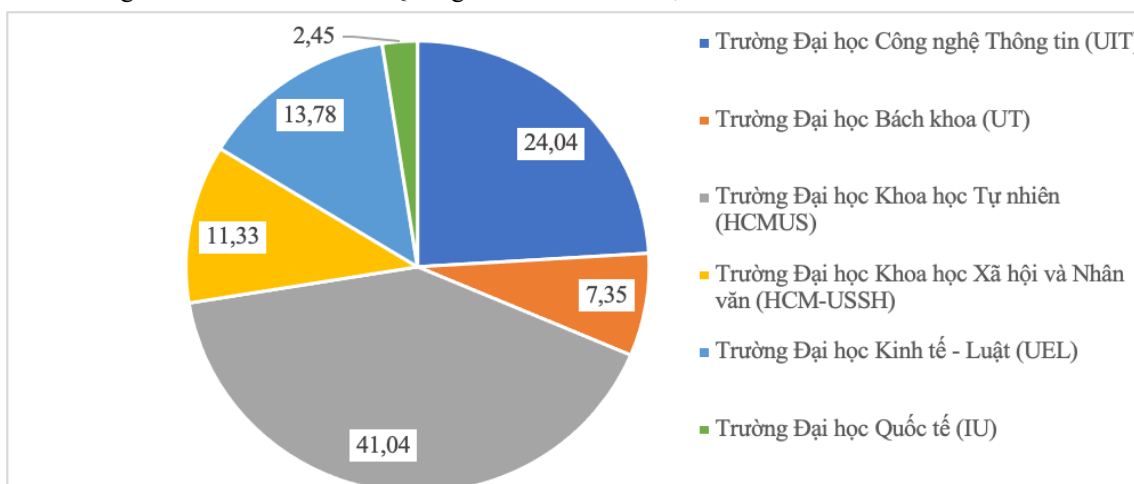
Garrison và Vaughan (2008) định nghĩa, HTHH là sự kết hợp chu đáo giữa mặt đối mặt (face-to-face) và trải nghiệm học tập trực tuyến; là sự kết hợp giữa các phương pháp trực tuyến và truyền thống (Usta, 2007; Young, 2002). Nó có nghĩa là tích hợp các định dạng trực tuyến và trực tiếp để tạo ra trải nghiệm học tập hiệu quả hơn (Brew, 2008).

Theo Thorne (2003), HTHH là một cách đáp ứng những thách thức của việc điều chỉnh việc học và phát triển cho phù hợp với nhu cầu của từng cá nhân bằng cách tích hợp những tiến bộ công nghệ và sáng tạo do học trực tuyến mang lại với sự tương tác và tham gia mang lại hiệu quả tốt nhất của phương pháp học truyền thống. Do đó, Blended Learning được coi là một phương pháp thiết lập môi trường giáo dục phù hợp để giúp người học đạt được mục tiêu một cách dễ dàng và nâng cao hiệu quả học tập thông qua việc sử dụng công nghệ phù hợp.

Nhìn chung, các định nghĩa trên đều có điểm thống nhất khi đề cập đến HTHH, đó là sự kết hợp giữa học trực tuyến và trực tiếp truyền thống để quá trình dạy học diễn ra cả trong lớp học và bên ngoài nhà trường trên cơ sở tích hợp các tiến bộ của công nghệ dạy học trực tuyến và tương tác trực tiếp để tạo ra trải nghiệm học tập hiệu quả hơn.

2.3. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này sử dụng phương pháp định lượng với công cụ là bảng hỏi khảo sát để thu thập thông tin dữ liệu từ người trả lời, trong thời gian từ tháng 6-9/2021. Những người tham gia bao gồm 653 SV năm 3 (279 nam, 374 nữ) ở 06 trường thành viên của Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, thể hiện chi tiết tại biểu đồ 1.



Biểu đồ 1. Tỷ lệ % SV tham gia khảo sát ở các trường thành viên của Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh

2.4. Kết quả và bàn luận

2.4.1. Nhận thức của sinh viên về tính hiệu quả kinh tế của phương thức dạy học hỗn hợp

Bảng 1 cho thấy, các câu trả lời trung bình liên quan đến nhận thức của SV về lợi ích kinh tế mà HTHH đem lại. SV trả lời từng mục này trên thang điểm 5 từ 1 (hoàn toàn không đồng ý) đến 5 (hoàn toàn đồng ý).

Bảng 1. Đánh giá của SV về lợi ích kinh tế của HTHH

Yếu tố	ĐTB	ĐLC	Xếp hạng
Giúp giảm đáng kể nhu cầu về phòng học, từ đó giảm áp lực đầu tư về cơ sở vật chất	3,75	0,97	2
Tiết kiệm kinh phí đầu tư ban đầu cơ sở vật chất, trang thiết bị (phòng học, máy tính, phần mềm quản lí, phần mềm dạy học trực tuyến...)	3,55	0,96	4
Tiết kiệm chi phí vận hành, bảo dưỡng	3,60	0,92	3
Tiết kiệm chi phí tập huấn, bồi dưỡng giảng viên, SV, nhân viên	3,30	1,03	6
Tiết kiệm chi phí, thời gian cho việc di chuyển, ăn ở	3,91	0,77	1
Tiết kiệm chi phí mua sắm trang thiết bị, giáo trình, tài liệu học tập	3,40	0,99	5
Trung bình chung	3,58	0,96	

Kết quả tại bảng 1 chỉ ra rằng, SV đánh giá rất cao lợi ích của phương thức dạy học hỗn hợp về mặt hiệu quả kinh tế (ĐTB chung = 3,58, ĐLC chung = 0,96). Giá trị trung bình cho mỗi yếu tố là từ 3,30 đến 3,91, cao nhất là nội dung “tiết kiệm chi phí, di chuyển” và thấp nhất là “tiết kiệm chi phí tập huấn, bồi dưỡng giảng viên, SV, nhân viên”. Phát hiện của nghiên cứu tương tự với các tác giả Picciano và cộng sự (2013) khi Nhà trường áp dụng phương thức HTHH thì điểm số của SV cao hơn đồng thời chi phí chi trả cho cơ sở vật chất giảm đáng kể.

Kumpu và cộng sự (2016) đã trình bày các yếu tố kinh tế (thời gian, không gian, chi phí, trang thiết bị, bản quyền) ảnh hưởng đến việc quyết định áp dụng phương thức dạy học hỗn hợp tại các trường đại học. Các tác giả gọi đây là các yếu tố đầu vào cần thiết để khởi động và triển khai dạy học nói chung, dạy học hỗn hợp nói riêng. Dựa trên kết quả tại bảng 1, có thể kết luận rằng, SV Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh rất đồng tình với các lợi ích kinh tế mà HTHH đem lại. Đây là tín hiệu tốt để các cơ sở đào tạo xây dựng các chính sách phù hợp khi áp dụng rộng rãi phương thức này trong đào tạo.

Ngoài ra, khi tiến hành kiểm định ANOVA ở SV các trường thành viên của Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh trong đánh giá tính hiệu quả về mặt kinh tế của phương thức này, kết quả cho thấy, có sự khác biệt trên hai phương diện cơ sở vật chất và con người.

Bảng 2. Mối tương quan giữa SV các trường và nhận thức của họ về hiệu quả kinh tế của HTHH (ANOVA)

Yếu tố	Đơn vị**	ĐTB	ĐLC	F	Post Hoc
Tiết kiệm kinh phí đầu tư ban đầu cơ sở vật chất, trang thiết bị (phòng học, máy tính, phần mềm quản lí, phần mềm dạy học trực tuyến...)	UIT (A)	3,76	0,93	3.611*	A> B, C
	UT (B)	3,35	1,10		
	HCMUS (C)	3,47	0,93		
	HCM- USSH (D)	3,49	0,94		
	UEL (E)	3,68	0,93		
	IU (F)	3,06	0,85		
Tiết kiệm chi phí tập huấn, bồi dưỡng giảng viên, nhân viên	UIT (A)	3,51	0,92	4.073*	A> B, C, D
	UT (B)	2,92	1,18		
	HCMUS (C)	3,35	1,04		
	HCM- USSH (D)	3,04	1,01		
	UEL (E)	3,18	1,03		
	IU (F)	3,25	0,93		

*, $p < .05$

Kết quả tại bảng 2 cho thấy, có sự khác biệt có ý nghĩa của trong nhận thức của SV về tính kinh tế của việc áp dụng phương thức hỗn hợp trong dạy học tại các Trường (cụ thể là SV của 4/6 Trường: UIT, UT, HCMUS, HCM-USSH). Như vậy, có thể nhận định rằng, SV ở các trường có mức độ đồng ý khác nhau khi cho ý kiến về việc áp dụng các phương thức HTHH sẽ giúp tiết kiệm các kinh phí đầu tư ban đầu và các chi phí liên quan đến hoạt động học tập, bồi dưỡng cho đội ngũ liên quan trong nhà trường. Điều này có nghĩa là, khi triển khai một phương thức dạy học mới, thời gian và chi phí cho các buổi tập huấn là rất lớn nhằm đảm bảo sự thành thạo trong thao tác của cả người dạy, người học và đội ngũ quản lí, hỗ trợ. Kết quả này trùng khớp với phát hiện của các tác giả Mozellus và Rydell (2017), Gedik và cộng sự (2012) khi cho thấy những thách thức phổ biến nhất là thời gian kéo dài để học các công cụ công nghệ mới.

2.4.2. Nhận thức của sinh viên về hiệu quả sự phạm trong dạy học theo phương thức hỗn hợp

Bảng 3 trình bày các lợi ích sự phạm mà HTHH mang lại cho người học, giúp nâng cao sự hứng thú và khả năng học tập của họ. Một lần nữa, SV trả lời theo thang điểm từ 1 (hoàn toàn không đồng ý) đến 5 (hoàn toàn đồng ý).

Bảng 3. Đánh giá của SV về lợi ích sự phạm của HTHH

Yếu tố	ĐTB	ĐLC	Xếp hạng
Tổ chức quá trình dạy học diễn ra nhanh chóng	3,92	0,92	3
Cá nhân hóa việc học tập của người học	3,74	0,87	6
Môi trường học tập linh hoạt, mọi lúc mọi nơi	4,02	0,88	1
Giúp người học sáng tạo hơn, hứng thú và chủ động hơn trong học tập	3,85	0,89	4
Tiếp cận được nhiều nguồn tài liệu đa dạng, phong phú	4,01	0,85	2
Có nhiều hơn thời gian để phát triển, mở rộng vấn đề liên quan đến nội dung môn học	3,84	0,91	5
Trung bình chung	3,90	0,89	

Bảng 3 cho thấy, môi trường học tập linh hoạt là yếu tố được đồng tình cao nhất (ĐTB = 4,02, ĐLC = 0,88). Các yếu tố khác, cụ thể như tiếp cận nguồn tài liệu phong phú, quá trình dạy học diễn ra nhanh chóng, giúp cá nhân hoá người học cũng được đánh giá ở mức độ hoàn toàn đồng ý. Điểm trung bình là 3,90 càng làm nổi bật nhận thức tích cực của SV đối với cách tiếp cận học tập theo phương thức này.

Kết quả của nghiên cứu này phù hợp với các nghiên cứu trước đó của Gedik và cộng sự (2012), Shand và Glassett (2017) khi cho rằng, lợi ích phổ biến nhất của việc học kết hợp là tính linh hoạt. Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra tính tiện lợi của việc học tập theo phương thức trực tuyến nói chung và HTHH nói riêng, chỉ cần kết nối mạng người học có thể diễn ra quá trình học ở bất kì đâu mà không lo bị "gián đoạn". Đồng thời, điều này giúp giảm thiểu được thời gian của người học, giúp cho họ có nhiều thời gian tập trung cho việc học và tăng kết quả học tập. Hơn nữa, HTHH tạo ra môi trường học tập chủ động, nghĩa là với các nội dung được triển khai kết hợp phương thức mặt đối mặt và

trực tuyến, SV có thể làm chủ được việc học của mình. SV có thể học theo tốc độ của riêng mình, được lựa chọn phương pháp học tập phù hợp nhất và nhận được những phản hồi kịp thời từ giảng viên về các hoạt động học tập (Collopy và Arnold, 2009; Gedik và cộng sự, 2012). Ngoài ra, một lợi thế khác của học tập kết hợp là tiềm năng cung cấp nhiều nguồn cho người học. Chen và Jones (2007) đã chỉ ra những lợi thế khác của học tập kết hợp như hiểu biết sâu sắc về các chủ đề bằng cách sử dụng các tài nguyên dựa trên web cũng như sự tham gia tích cực của học sinh trong lớp.

3. Kết luận

Nghiên cứu này đã cho thấy nhận thức của SV về HTHH. Kết quả của nghiên cứu minh họa sự đồng ý rất cao của SV đối với học tập kết hợp vì nó đem lại hiệu quả về cả mặt kinh tế và sự phạm. Do đó, thiết kế một môi trường HTHH để đạt được trạng thái cân bằng, hài hòa giữa tương tác mặt đối mặt và trực tuyến là điều cần thiết (Osguthorpe và Graham, 2003). Với các phát hiện từ nghiên cứu sẽ cung cấp cơ sở cho các nhà trường thiết kế khóa học kết hợp đáp ứng hiệu quả các mục tiêu và nhu cầu của SV; môi trường kết hợp cung cấp một tình huống đáng khích lệ cho cả lớp học truyền thống và bối cảnh trực tuyến. Nói cách khác, đó là một loạt các phương thức phân phối để đáp ứng các mục tiêu của khóa học. Phương thức HTHH có thể sẽ trở thành mô hình giảng dạy chủ đạo trong tương lai cần được quan tâm nghiên cứu và phát triển thêm.

Tài liệu tham khảo

- Adas, D., & Wafa, A. S. (2011). Students' perceptions towards blended learning environment using the OCC. *An-Najah University Journal for Research - Humanities*, 25(6), 1682-1710.
- Akkoyunlu, B., & Yilmaz, S. M. (2006). A study on students' views on Blended Learning environment. *Turkish Online Journal of Distance Education*, 7(3), 43-56.
- Alebaikan, R., & Troudi, S. (2010). Blended learning in Saudi universities: challenges and perspectives. *ALT-J Research in Learning Technology*, 18(1), 49-59.
- Aliweh, A. (2011). Exploring Egyptian EFL students' learning styles and satisfaction with web-based materials. *CALICO Journal*, 29(1), 81-99.
- Alshwiah, A.A.S. (2009). *The effects of a blended learning strategy in teaching vocabulary on premedical students' achievement, satisfaction and attitude toward english language*. Master's Thesis, Distance Teaching and Training, College of Graduate Studies, Arabian Gulf University.
- Artino, A.R. (2010). Online or face-to-face learning? Exploring the personal factors that predict students' choice of instructional format. *Internet and Higher Education*, 13, 272-276.
- Badawi, M. F. (2009). *Using blended learning for enhanced EFL prospective teachers' pedagogical knowledge and performance*. Conference Paper: Learning & Language - The spirit of the Age. Cairo: Ain Shams University.
- Behjat, F., Yamini, M., & Bagheri, M. S. (2012). Blended learning: A ubiquitous learning environment for reading comprehension. *International Journal of English Linguistics*, 2(1), 97-106.
- Bendania, A. (2011). Teaching and learning online: King Fahd university of Petroleum and Minerals (KFUPM) Saudi Arabia, case study. *International Journal of Arts & Sciences*, 4(8), 223-241.
- Brew, L. S. (2008). The role of student feedback in evaluating and revising a blended learning course. *Internet and Higher Education*, 11, 98-105
- Castaño Muñoz, J., Punie, Y., Santos, A.I., Mitic, M., & Morais, R. (2016). *How are Higher Education Institutions Dealing with Openness? A Survey of Practices, Beliefs and Strategies in Five European Countries*. Retrieved from <https://publications.jrc.ec.europa.eu/repository/handle/JRC99959> (accessed 20.09.2021).
- Collopy, R. M. B., & Arnold, J. M. (2009). To blend or not to blend: Online-only and blended learning environments. *Issues in Teacher Education*, 18(2), 85-101.
- Chen, C. C., & Jones, K. T. (2007). Blended Learning vs. Traditional Classroom Settings: Assessing Effectiveness and Student Perceptions in an MBA Accounting Course. *The Journal of Educators Online*, 4(1), 1-15.
- Chew E., Jones, N., Turner, D. (2008). *Critical Review of the Blended Learning Models Based on Maslow's and Vygotsky's Educational Theory*. Proceedings of the 1st international conference on Hybrid Learning and Education.
- Dziuban, C., Hartman, J., Juge, F., Moskal, P., & Song, S. (2006). *Blended learning enters the mainstream*. in Bonk, C.J. & Graham, C.R. (Eds.), *The handbook of blended learning: Global perspectives, local designs*, Pfeiffer, San Francisco, pp. 195-206.

- Edwards, C., & Fritz, J. (1997). *Evaluation of three online delivery approaches*. Retrieved from <https://files.eric.ed.gov/fulltext/ED430516.pdf>
- Garrison, D. R., & Vaughan, N. D. (2008). *Blended learning in higher education: framework, principles, and guidelines*. San Francisco, CA Jossey-Bass.
- Gedik, N., Kiraz, E., & Ozden, M. (2012). The optimum blend: Affordances and challenges of blended learning for students. *Turkish Online Journal of Qualitative Inquiry*, 3(3), 102-117.
- Graham, C.R. (2006). *Blended Learning Systems: Definition, Current Trends, and Future Directions*. In: Bonk, C.J. and Graham, C.R., Eds., *Handbook of Blended Learning: Global Perspectives, Local Designs*, Pfeiffer Publishing, San Francisco, 3-21.
- Kahigi, E. K., Ekenberg, L., & Hansson, H. (2008). Exploring the e-Learning State of Art. *The Electronic Journal of e-Learning*, 6(2), 77-88.
- Kentnor, H. (2015). *Distance Education and the Evolution of Online Learning in the United States*. Retrieved from https://digitalcommons.du.edu/cgi/viewcontent.cgi?article=1026&context=law_facpub (accessed 18.09.2021).
- Krasnova, T. A. (2015). Paradigm Shift: Blended Learning Integration in Russian Higher Education. *Procedia - Social and Behavioral Sciences*, 166, 399-403.
- Kumpu, M., Atkins, S., Zwarenstein, M., & Nkonki, L. (2016). *A partial economic evaluation of blended learning in teaching health research methods: A three-university collaboration in South Africa, Sweden, and Uganda*. Retrieved from <https://www.tandfonline.com/doi/pdf/10.3402/gha.v9.28058?needAccess=true> (accessed 25.09.2021)
- Launer, R. (2010). *Five Assumptions on Blended Learning: What Is Important to Make Blended Learning a Successful Concept?* Hybrid Learning, Third International Conference, ICHL 2010, Beijing, China.
- Mason, R., & Rennie, F. (2006). *Elearning: The key concepts*. London: Routledge.
- Mozelius, P., & Rydell, C. (2017). Problems affecting successful implementation of blended learning in higher education: The teacher perspective. *International Journal of Information and Communication Technologies in Education*, 6(1), 4-13.
- Osguthorpe, R. T., & Graham, C. R. (2003). Blended Learning Environments: Definitions and Directions. *Quarterly Review of Distance Education*, 4(3), 227-233.
- Picciano, A. G., Dziuban, C. D., & Graham, C. R. (2013). *Blended Learning Research Perspectives*. New York: Routledge.
- Porter, W. W., Graham, C. R., Spring, K. A., and Welch, K. R. (2014). Blended learning in higher education: Institutional adoption and implementation. *Computers & Education*, 75, 185-195.
- Procter, C. T. (2016). *Blended Learning in Practice*. Retrieved from <https://usir.salford.ac.uk/id/eprint/27428/2/BlendedLearningInPractice.pdf> (accessed 24.09.2021)
- Sauers, D., & Walker, R. C. (2004). A comparison of traditional and technology-assisted instructional methods in the business communication classroom. *Business Communication Quarterly*, 67(4), 430-442.
- Shand, K., & Glassett Farrelly, S. (2017). Using Blended teaching to teach blended learning: Lessons learned from preservice teachers in an instructional methods course. *Journal of Online Learning Research*, 3(1), 5-30.
- Stacey, E., & Gerbic, P. (2008). *Success Factors for Blended Learning*. Retrieved from <https://www.semanticscholar.org/paper/Success-factors-for-blended-learning-Stacey-Gerbic/d2eea478b538b79932f88d928d3152291589efae> (accessed 17.09.2021)
- Thorne, K. (2003). *Blended Learning: How to Integrate Online and Traditional Learning*. Retrieved from <https://kenanaonline.com/files/0011/11429/Blended-Learning.pdf> (accessed 21.09.2021)
- Usta, E. (2007). *Blended Learning and Online Learning Environments The Effect of Academic Success and satisfaction*. Doctorate Dissertation, Ankara: Gazi University, Graduate School of Egitim.
- Young, J. R. (2002). "Hybrid" teaching seeks to end the divide between traditional and online instruction. *Chronicle of Higher Education*, 48(28), A33-A34.